TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phú

Bản án số: 07 /2018/KDTM-ST

Ngày: 26 -06-2018

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồ Hải Thành và bà Võ Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa: Không tham gia phên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-KDTM ngày 26 tháng 03 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-KDTM ngày 13/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T; Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn T, Phường P, quận S, Tp Đ; người đại diện được ủy quyền: bà Đinh Minh H - chức vụ: cán bộ phụ trách pháp lý của công ty theo văn bản ủy quyền số 09/UQ-NL-XXV ngày 22 tháng 03 năm 2018. Có Mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu P; Địa chỉ: Lô C2, Khu Công nghiệp Khánh Phú, xã Ninh Phúc, Tp N, tỉnh N; người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Ngọc T– chức vụ: Tổng Giám đốc.Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 05/04/2018 và các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà* Đinh Minh H *trình bày:*

Ngày 05 tháng 05 năm 2016,Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N (bên B), do Bà Lê Nguyễn Đan T, chức vụ Tổng Giám đốc, đại diện ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp thép số: 55/HĐNT – XXIII/ PHUCLOC-NHANLUAT với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P (bên A), do Bà Trần Nguyên An, Chức vụ Phó Tổng Giám đốc làm đại diện theo Giấy Ủy quyền số: 21/2016/UQ-HCNS ngày 02/04/2016 do Ông Vũ Ngọc Toàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị cấp, với nội dung như sau:

Theo nội dung Hợp đồng 2 bên ký, Bên B cung cấp cho Bên A các mặt hàng thép với các chủng loại: Thép xây dựng; thép hình; thép ống; thép đặc chủng, chuyên dụng. Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa đúng chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã đăng ký của nhà sản xuất theo qui định kỹ thuật chung. Hàng có kèm theo chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất. Khối lượng: Bên B sẽ chuẩn bị hàng hóa và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bên A theo từng đơn hàng cụ thể. Đơn giá và các điều kiện liên quan sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất bằng Báo giá/ Phụ lục hợp đồng / Xác nhận đơn hàng chi tiết cho từng đơn hàng cụ thể. Báo giá / Phụ lục hợp đồng/ Xác nhận đơn hàng phải được ký kết bởi Người đại diện theo pháp luật được phân công nhiệm vụ ký kết hợp đồng kinh tế (hoặc cấp Quản lý được người đó ủy quyền bằng văn bản) của mỗi bên và là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.

Sau khi ký Hợp đồng, theo yêu cầu của Bên A, bên B đã thực hiện Báo giá và được Bên A xác nhận lại, cụ thể là các Xác nhận đơn hàng ngày 11/11/2017, ngày 18/10/2017 (số 75/XXIV/BG/PL), ngày 18/10/2017 (số 76/XXIV/BG/PL), ngày 18/10/2017 (số 74/XXIV/BG/PL), ngày 18/10/2017 (số 73/XXIV/BG/PL), ngày 18/10/2017 (số 72/XXIV/BG/PL), ngày 18/10/2017 (số 71/XXIV/BG/PL), ngày 16/9/2017, ngày 08/08/2017.

Triển khai các Đơn đặt hàng xác nhận, theo yêu cầu của Bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P, Bên bán –Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã tiến hành giao hàng cho bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P. Cụ thể vào các ngày 08/08/2017, ngày 16/09/2017, ngày 18/09/2017, ngày 20/10/2017, ngày 14/11/2017, Bên bán –Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã giao hàng cho Bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phúc Lộc. Tương ứng với các đợt giao hàng có hóa đơn kèm theo vào ngày 09/08/2017 (Hóa đơn số 0000120), ngày 16/09/2017 (Hóa đơn số 0000414), ngày 18/09/2017 (Hóa đơn số 0000424), ngày 20/10/2014 (Hóa đơn số 0000597), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000598), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000599), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000600), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000601), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000602), ngày 20/10/2017 (Hóa đơn số 0000603), ngày 14/11/2017 (Hóa đơn số 0000755).

Sau các đợt giao nhận hàng, đại diện giao nhận của hai bên cùng ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng hóa và Bên mua được Bên bán giao đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hóa. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bên bán giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho bên mua. Sau khi Bên mua nhận hàng, Bên bán – Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã nhiều lần đôn đốc công nợ nhưng Bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Pkhông thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng đã ký.

Vào ngày 02/01/2018, đại diệnCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N, có bà Lê Nguyễn Đan T – Tổng Giám đốc đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P, đại diện Bà Trần Nguyên A– Phó Tổng Giám đốc. Hai bên xác nhận, tính đến ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Pcòn phải thanh toán tiền mua hàng choCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền: **5.625.177.158 đ** *(Năm tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm năm mươi tám đồng).*

Vào ngày 23/02/2018, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P có chuyển trả số tiền 387.946.018đ (Ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm mười tám đồng).

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P thanh toán nợ chậm trả nhưng đều không nhận được sự phản hồi cũng như lý do chính đáng về việc chậm thanh toán. Việc chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P đã gây nhiều khó khăn cho kế hoạch kinh doanh và tài chính củaCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N. Vào ngày 02/03/2018,Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã gửi công văn

V/v: Đề nghị thanh toán nợ quá hạn và thông báo khởi kiện ra Tòa để yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P thanh toán công nợ tồn đọng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N. Nếu đến thời điểm ngày 07/03/2018 Công ty chúng tôi chưa nhận được tiền thanh toán sẽ khởi kiện ra tòa để giải quyết.

Vì vậyCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải thanh toán số tiền: **5.342.229.235 đ** *(Năm tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng);* trong đó nợ gốc tiền hàng là 5.237.231.140đ *(Năm tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn một trăm bốn mươi đồng);* tiền lãi chậm trả đến ngày 02/03/2018 là: 104.998.095đ *(một trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi lăm đồng)* và phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định của Pháp luật.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P đã chuyển trả tiền nợ gốc 3 đợt với tổng số tiền là **1.301.074.332đ** (*Một tỷ, ba trăm lẻ* :

- Đợt 1 (ngày 30 tháng 03 năm 2018) chuyển trả 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).
- Đợt 2 (ngày 11 tháng 04 năm 2018) chuyển trả 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).
- Đợt 3 *(ngày 06 tháng 06 năm 2018)* chuyển trả 701.074.332đ (bảy trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Vậy nayCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải thanh toán số tiền: **4.188.163.697đ** (*Bốn tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm chín bảy đồng).* Trong đó: Số nợ gốc: **4.158.534.141 đ** (*Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mốt đồng).* Đối với tiền lãi,Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N Tiền thay đổi thời gian yêu cầu tính lãi so với đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018 số tiền lãi là: **29.629.556 đồng**, tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018. Áp dụng lãi suất 9%/ năm lãi suất nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Nhà nước qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện củaCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đại diện nguyên đơnCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Ngày 05 tháng 05 năm 2016,Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N (bên B) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp thép số: 55/HĐNT – XXIII/ PHUCLOC-NHANLUAT với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P(bên A). Theo hợp đồng Bên B cung cấp cho Bên A các mặt hàng thép với các chủng loại: Thép xây dựng; thép hình; thép ống; thép đặc chủng, chuyên dụng. Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa đúng chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã đăng ký của nhà sản xuất theo qui định kỹ thuật chung. Hàng có kèm theo chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất. Khối lượng: Bên B sẽ chuẩn bị hàng hóa và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bên A theo từng đơn hàng cụ thể. Đơn giá và các điều kiện liên quan sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất bằng Báo giá/ Phụ lục hợp đồng / Xác nhận đơn hàng chi tiết cho từng đơn hàng cụ thể. Báo giá / Phụ lục hợp đồng/ Xác nhận đơn hàng phải được ký kết bởi Người đại diện theo pháp luật được phân công nhiệm vụ ký kết hợp đồng kinh tế (hoặc cấp Quản lý được người đó ủy quyền bằng văn bản) của mỗi bên và là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện. Triển khai các Đơn đặt hàng xác nhận, theo yêu cầu của Bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P, Bên bán –Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã tiến hành giao hàng cho bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phúc Lộc. Cụ thể vào các ngày 08/08/2017, ngày 16/09/2017, ngày 18/09/2017, ngày 20/10/2017, ngày 14/11/2017, Bên bán –Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đã giao hàng cho Bên mua – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 02/03/2018 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P còn nợ Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền: 5.342.229.235đ *(Năm tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn*

hai trăm ba mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc tiền hàng là 5.237.231.140đ *(Năm tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn một trăm bốn mươi đồng);* tiền lãi chậm trả đến ngày 02/03/2018 là: 104.998.095đ *(một trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi lăm đồng).* Sau khi Tòa thông báo thụ lý vụ án Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P đã chuyển trả tiền nợ gốc 3 đợt với tổng số tiền là 1.301.074.332đ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầuCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải thanh toán số tiền: cả gốc và lãi: **4.188.163.697đ** (*Bốn tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm chín bảy đồng).* Trong đó: Số nợ gốc: **4.158.534.141 đ** (*Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mốt đồng).* Đối với tiền lãi yêu cầu tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018 số tiền: **29.629.556 đồng**, Áp dụng lãi suất 9%/ năm lãi suất nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Nhà nước qui định.

[3] Xét các yêu cầu củaCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N thì thấy:

Ngày 05 tháng 05 năm 2016,Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N (bên B) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp thép số: 55/HĐNT – XXIII/ PHUCLOC-NHANLUAT với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P (bên A). Theo hợp đồng Bên B cung cấp cho Bên A các mặt hàng thép với các chủng loại như hợp đồng đã ký kết.

Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội dung nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua biên bản đối chiếu công nợ ngày ngày 02/03/2018 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P còn nợCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền: 5.342.229.235 đ *(Năm tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng).* Sau khi Tòa án Thụ lý Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P đã trả choCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền 1.301.074.332đ. Do đó, việcCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Pthanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng là **4.158.534.141 đ** (*Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mốt đồng)* là có cơ sở, phù hợp với các Điều 24, 37, 50, 55 Luật thương mại, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu thay đổi thời gian tính lãi suất như sau:

Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 07/6/2018 đến ngày 25/6/2018. Do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên việcCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: **29.629.556 đồng**, tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018, 19 ngày x (4.158.534.141 x 9% /12 tháng/30 ngày x 150% = **29.629.556 đồng**).

HĐXX xét thấy: Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm (lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 9,0 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam là 8,60/năm; Lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam là 13, 5%/năm (9,0 %/năm + 8,60/năm + 13, 5%/năm = 10.36%/năm). HĐXX thấy phù hợp nên chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu củaCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải thanh toán số tiền: **4.188.163.697đ** (*Bốn tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm chín bảy đồng)*. Trong đó: Số nợ gốc : **4.158.534.141 đ** (*Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mốt đồng)*. Tiền lãi: **29.629.556 đồng**, tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018, 19 ngày x (4.158.534.141 x 9% /12 tháng/30 ngày x 150% = **29.629.556 đồng**).

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại với mức thu là: 112.188.164 đồng**.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 , Điều 36 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, 37, 50, 55 Điều 306 Luật Thương Mại.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* " của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P.

Tuyên xử:

1.Buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải thanh toán choCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền: **4.188.163.697đ** (*Bốn tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm chín bảy đồng)*. Trong đó:Số nợ gốc : **4.158.534.141 đ** (*Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mốt đồng)*. Tiền lãi: **29.629.556 đồng**, tính lãi từ ngày 07/06/2018 đến 25/06/2018, 19 ngày x (4.158.534.141 x 9% /12 tháng/30 ngày x 150% = **29.629.556 đồng**).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM - ST:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu P phải chịu: 112.188.164 đồng**.**

- Hoàn lại choCông ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh Doanh Thép N số tiền tạm ứng án phí 56.671.000đồng theo biên lai thu số 008594 ngày 22/03/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Viện kiểm sát Q. Sơn Trà*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG